

MEDOTEN - 400

Công thức:

Mỗi viên bao phim chứa:

Hoạt chất: Albendazol USP400mg

Tá dược:vỡ 1 viên.

(Bao gồm: Lactose, Calcium Hydrogen Phosphat, Sodium Lauryl Sulphat, Sodium starch glycolat, Sodium Saccharin, nước tinh khiết, Magnesium stearat, Colloidal Silicon Dioxid, Sodium Bicarbonat, Cros Povidon, Betacyclodextrin, Doshion P-544D, Croscarmellose Sodium, HPMC E-15, Titanium Dioxid, Sunset yellow lake, Propylen glycol, Isopropyl alcohol, Methylen Chlorid.)

Dược lực học:

Albendazol là một dẫn chất của benzimidazol carbamat. Thuốc có phổ hoạt tính rộng trên cả giai đoạn trưởng thành và giai đoạn ấu trùng của các giun đường ruột và diệt được trứng của các giun đường ruột.

Thuốc liên kết với các tiểu quản của ký sinh trùng, qua đó ức chế sự trùng hợp hoá các tiểu quản thành các vi tiểu quản của bào tương là những bào quan cần thiết cho hoạt động bình thường của tế bào ký sinh trùng.

Albendazol ức chế sự hấp thu glucose và làm giun mất năng lượng không đủ để sống, gây bất động rồi chết, xác giun bị nhu động ruột đẩy ra ngoài.

Dược động học:

Albendazol hấp thu kém qua đường tiêu hóa vì nó hòa tan trong nước chậm. Hầu hết tác dụng chống giun sán xảy ra ở ruột. Albendazol có không đáng kể hoặc không phát hiện được trong huyết tương vì nó nhanh chóng chuyển thành chất chuyển hóa có tác dụng sulfoxid trước khi đi đến hệ tuần hoàn, Albendazol sulfoxid là chất chuyển hoá chính của Albendazol. Sinh khả dụng được tăng lên khi Albendazol được dùng cùng với thức ăn nhiều chất béo, nồng độ trong huyết tương tăng lên 2 - 4 lần.

Nồng độ đỉnh của Albendazol sulfoxid đạt được trong huyết tương khoảng 1.31mcg/mL sau khi dùng thuốc từ 2 đến 5 giờ, cùng với thức ăn nhiều chất béo. Albendazol sulfoxid liên kết với protein trong huyết tương tới 70%. Nửa đời thải trừ khỏi huyết tương của albendazol sulfoxid thường dao động từ 8 đến 12 giờ. Chất chuyển hoá Albendazol sulfoxid được thải trừ qua thận cùng với các chất chuyển hoá khác. Một lượng không đáng kể chất chuyển hoá sulfoxide được thải trừ qua mật.

Sau 4 tuần điều trị bằng Albendazol cho 12 bệnh nhân (200 mg x ba lần/ ngày), nồng độ albendazol sulfoxid trong dịch nang sán đạt mức khoảng 20% nồng độ trong huyết tương.

Chỉ định:

- Nhiễm một loại hoặc nhiều loại ký sinh trùng đường ruột như giun kim, giun đũa, giun tóc, giun móc, giun lươn, sán dây.
- Albendazol cũng có hiệu quả trên ấu trùng di trú dưới da. Thuốc còn có tác dụng với bệnh ấu trùng sán lợn có tổn thương não.

Liều lượng và cách dùng:

* Cách dùng:

Viên có thể nhai, nuốt hoặc nghiền và trộn với thức ăn.

* Liều lượng:

- Nhiễm giun đũa, giun kim, giun móc, giun tóc:

Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi: uống 1 viên 400mg (liều duy nhất). Có thể điều trị lại sau 3 tuần.

- Nhiễm ấu trùng di trú dưới da:

Người lớn: Uống 1 viên (400mg)/lần/ngày trong 3 ngày.

- Nhiễm nang sán:

Người lớn: Uống 2 viên (800mg)/ngày trong 28 ngày. Điều trị có thể lặp lại nếu cần.

- Ấu trùng sán lợn ở não:

Người lớn: Uống 15mg/kg/ngày trong 30 ngày. Điều trị có thể lặp lại sau 3 tuần.

- Nhiễm giun lươn, sán dây:

Người lớn: Uống 1 viên (400mg)/lần/ngày trong 3 ngày. Điều trị có thể lặp lại sau 3 tuần.

Hoặc theo chỉ dẫn của thầy thuốc.

Chống chỉ định:

Chống chỉ định ở những bệnh nhân quá mẫn cảm với Albendazol.

Thận trọng:

Bệnh nhân dùng Albendazol liều cao cần được theo dõi, giám sát chặt chẽ chức năng gan và máu.

Bệnh nhân bị tổn thương gan nên được điều trị với liều giảm carbamates benzimidazol. Albendazol nên dùng cùng với thức ăn.

Tác dụng không mong muốn:

Ở liều điều trị thông thường, Albendazol hấp thu kém qua đường tiêu hóa.

Hệ thần kinh trung ương: Nhức đầu và chóng mặt

Tiêu hóa: đau bụng, buồn nôn, nôn.

Máu: Giảm bạch cầu

Da: Phát ban, mề đay.

Toàn thân: sốt, phản ứng dị ứng.

Thận: Suy thận cấp

Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Tương tác thuốc:

Nồng độ của Albendazol sulfoxid trong huyết tương được tăng lên khoảng 50% khi dùng đồng thời với Praziquantel. Nồng độ của albendazol sulfoxid trong mật và trong dịch nang sán tăng lên ở người bị bệnh nang sán khi dùng phối hợp với Cimetidin, do đó có thể làm tăng hiệu quả trong việc điều trị bệnh nang sán.

Mang thai và cho con bú:

Albendazol có thể gây nguy hại cho thai nhi, vì vậy, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ nên kiểm tra trước khi điều trị bệnh. Thận trọng khi dùng Albendazol cho phụ nữ cho con bú.

Ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Albendazol không ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Quá liều và cách xử trí:

Khi bị quá liều cần điều trị triệu chứng (ví dụ rửa dạ dày, than hoạt tính) và các biện pháp cấp cứu hồi sức chung.

Qui cách đóng gói: Hộp/1 vỉ x 1 viên nén bao phim.

Bảo quản: Bảo quản nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng. Không được dùng thuốc khi quá thời hạn sử dụng ghi trên nhãn.

Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất

Khuyến cáo:

Đề xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Nhà sản xuất: **MEDOPHARM**
34 B - Industrial Area, Malur - 563 130, Karnataka, INDIA.

Đăng ký bởi:



TENAMYD PHARMA CORP.